

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 21/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Nhiên

- Bà Cao Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lương Tiểu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 173/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 07/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 21/01/2022, đối với bị cáo:

VÕ VĂN T (tên gọi khác: B) - sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T và bà Trần Thị H; Gia đình có 03 anh em; bị cáo là con lớn nhất; Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 12/9/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 62/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2012 (chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí).

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 196/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 14/11/2013, đã được xóa án tích.

- Ngày 15/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xử phạt 04 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 182/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 30/01/2018, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi ĐKKH thường trú: thôn 3, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nơi ở: thôn 2, xã L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Lê H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố A, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Lê Tú H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T là đối tượng đang có tiền án: Ngày 12/9/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 08 tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 62/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2012 (chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí). Trong thời gian chưa được xóa án tích T tiếp tục phạm tội mới, cụ thể như sau:

Trong một lần đi ngang qua địa bàn xã L và xã L, huyện H, T tình cờ nhìn thấy có vườn cây keo lá tràm ở thôn 2, xã L và vườn cây bạch đàn tái sinh nằm cách đó khoảng 02km ở thôn Đại Lộc, xã Hàm Hiệp, cả 02 vườn cây này đều nằm cách xa nhà dân, không có người trông coi, T nảy sinh ý định tìm người bán vườn cây lấy tiền tiêu xài vì nghĩ rằng chủ vườn sẽ không biết khi T bán vườn cây trên (quá trình điều tra xác định vườn cây keo lá tràm là của ông Lê Văn S ở thôn 2, xã L, huyện H và vườn cây bạch đàn tái sinh là của ông Lê H ở khu phố 4, phường Đ, thành phố P). Đến ngày 28/7/2021, khi đi ngang qua nhà ông Lê Văn H ở thôn 6, xã H, thấy trước nhà ông H có để nhiều cây keo lá tràm nên T vào nhà, xin số điện thoại ông H để tìm cách gạ bán vườn cây trên. Ngày 30/7/2021, T gọi điện thoại hẹn gặp rồi dẫn ông H

đi đến vườn cây xem, T nói dối với ông là đất của gia đình, hai vườn cây của T trồng, chăm sóc, do kẹt tiền nên bán, khi nào thỏa thuận mua bán xong thì sẽ photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục vận chuyển cây cho ông H. Để che dấu lai lịch, T nói dối với ông H mình tên là Trần Thanh Đ, sinh năm 1984, ở thôn 3, xã L và sử dụng một điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia, gắn sim số 0564009343 để liên lạc với ông H. T gạ bán cho ông H vườn keo lá tràm giá 180.000.000đ và vườn bạch đàn giá 40.000.000đ nhưng ông H không đủ tiền nên không mua. Sau đó, T nhờ ông H tìm người tới mua 02 vườn cây trên và hứa sẽ cho ông H số tiền hoa hồng là 3.000.000đ và cho mượn thêm 7.000.000đ để làm ăn. Tưởng 02 vườn cây trên là của T thật nên ông H đồng ý. Sau đó ông H giới thiệu một người tên V ở xã C và một người tên H ở xã Thuận Hòa (chưa xác định được lai lịch) cho T nhưng hai người này không mua. Tiếp đến, ông H gọi điện thoại cho ông Nguyễn Đình T ở thôn L, xã B, huyện H hỏi có mua cây không thì cho số điện thoại của chủ vườn để liên hệ mua, ông T đồng ý. Ông H cho T số điện thoại của ông T để liên lạc mua bán cây, ngày 31/7/2021, T sử dụng số điện thoại 0564009343 gọi điện thoại cho ông T, giới thiệu mình tên Trần Thanh Đ, sinh năm 1984, ở thôn 3, xã L và nói dối mình có hai vườn cây cần bán đồng thời hẹn ông T ngày hôm sau sẽ dẫn ông đi xem vườn cây.

Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 01/8/2021, theo như đã hẹn ông T đi đến xã Hàm Liêm, T gặp và dẫn ông T đến khu vực vườn cây keo lá tràm của ông Sang nói dối với ông T “Đất này là của anh, anh trồng 04 hecta cây keo lá tràm, có sổ đất rõ ràng, anh photo đưa cho em, nếu em xác định mua thì anh lên Trạm kiểm lâm làm giấy vận chuyển cho em”. Sau đó, T tiếp tục dẫn ông T xem vườn cây bạch đàn khoảng 04 hecta của ông H, T nói ông T xem được giá bao nhiêu thì bán chung hai vườn cây luôn. Sau khi xem 02 vườn cây và nghe T giới thiệu là vườn cây của mình, có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, ông T tin tưởng là thật nên cùng T đi ra quán nước ở thôn 5, xã L để giao dịch, T gạ bán 02 vườn cây trên cho ông T với giá 120.000.000đ, ông T trả 115.000.000đ thì T đồng ý bán. Ông T giao số tiền đặt cọc cho T là 25.000.000đ, T nhận tiền, viết giấy bán cây và nhận đặt cọc số tiền 25.000.000đ rồi đưa cho ông T. Ông T hẹn khi nào qua cửa cây thì sẽ giao đủ số tiền còn lại. Chiều ngày 02/8/2021, T gọi điện thoại cho ông T, nói “Em có tiền không anh lấy thêm vài chục để đi trả tiền ngân hàng, anh đang kẹt quá”, ông T đồng ý và hẹn T đến nhà mình ở xã Hồng Liêm lấy tiền. T điều khiển xe mô tô đến khu vực Ngã ba Bàu Sen, xã Hồng Liêm gặp T lấy tiền và ghi tiếp vào tờ giấy bán cây thêm nội dung nhận thêm số tiền 50.000.000đ. Chiều ngày 03/8/2021, T tiếp tục gọi điện thoại, nói ông T chạy qua để dẫn đường cho xe tải qua chở cây do đường xã L đang bị phong tỏa. Sau khi chỉ đường xong, T dẫn ông T tới quán nước gần Ủy ban nhân dân xã Hàm Chính. Tại đây, ông T đưa cho T số tiền 40.000.000đ còn lại theo thỏa thuận, T nhận tiền và viết thêm một giấy bán cây nữa đưa cho ông T, có nội dung “Trần Thanh Đ có bán cây cho ông Nguyễn Đình T, số cây như sau: 04 hecta tràm và 04 hecta bạch đàn tại thôn 5, xã L với số tiền là 115.000.000đ, ông T đã trả đủ số tiền trên”. Sau khi nhận đủ tiền, T vứt bỏ điện thoại, nhãn hiệu Nokia gắn sim số

0564009343 để ông T và ông H không liên lạc được. Số tiền chiếm đoạt được, T đã tiêu xài hết, đối với số tiền T hứa cho ông H thì T cũng không thực hiện.

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/8/2021, ông T cùng một số người làm thuê đến vườn cây bạch đàn của ông H, đến nơi ông T gọi điện thoại cho T thì không liên lạc được nên ông T cùng những người trên cưa khoảng 130 cây bạch đàn, mỗi cây cao khoảng 05 – 07m, đường kính 05 – 10cm rồi để lại tại vườn. Sau đó, ông T đến nhà ông H để hỏi việc không liên lạc được với T thì ông H cũng nói là mình cũng không liên lạc được, ông T cho ông H số tiền giới thiệu mua vườn cây là 1.000.000đ. Đến sáng ngày 06/8/2021, ông T cùng một số người làm thuê tiếp tục đến vườn cây keo lá tràm của ông Sang, khi ông T và những người này cưa được khoảng 04 cây keo lá tràm, mỗi cây cao khoảng 15 – 20m, đường kính 20cm thì ông Sang phát hiện sự việc, đến ngăn cản, nói với ông T đây là vườn cây của ông và ông không có bán cho người khác nên ông T dừng việc cưa cây. Qua trao đổi với ông Sang, ông T biết mình bị T lừa đảo chiếm đoạt tiền nên đến Công an xã Ltrình báo sự việc. Công an xã Ltiếp nhận tin báo, tiến hành xác minh, xác định người lấy tên Trần Thanh Đán cây cho ông T có tên thật là Võ Văn T. Ngày 10/8/2021, Công an xã Lmời T tới trụ sở làm việc, tại đây T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận giám định số 1072/KLGD–PC09 ngày 13/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

...

II. Đối tượng giám định

1. Mẫu cần giám định:

02 (hai) “Giấy bán cây” mang tên Trần Thanh Đền ngày 02/8/2021, 03/8/2021 (ký hiệu A1, A2).

2. Tình trạng mẫu so sánh:

02 (hai) “Bản tự khai” đề ngày 11/8/2021, 23/8/2021, đứng tên Võ Văn T (ký hiệu M1, M2).

...

V. Kết luận giám định

Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ chữ viết trong khung mực màu đỏ) so với chữ viết đứng tên Võ Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết.

Hoàn lại đối tượng giám định: Hoàn lại toàn bộ tài liệu đã gửi đến giám định.

* *Vật chứng thu giữ và xử lý*: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0564009343, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Võ Văn T đã vứt bỏ mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc không thu giữ được.

* *Dân sự*: Ông Nguyễn Đình T yêu cầu bồi thường số tiền 115.000.000 đồng, đến nay Võ Văn T chưa bồi thường. Đối với 130 cây bạch đàn, mỗi cây cao khoảng 05 - 07m, đường kính khoảng 05 - 10cm của ông Lê H và 04 cây keo lá tràm, mỗi cây cao khoảng 15 - 20m, đường kính khoảng 20cm của ông Lê Văn S bị ông Nguyễn Đình T cưa (còn để lại tại vườn), do thiệt hại không đáng kể nên ông H và ông Sang không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSHTB ngày 17/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc truy tố: Bị cáo Võ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T khai đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 115.000.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã bồi thường. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Võ Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 115.000.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Sang, ông Lê H không yêu cầu nên không xem xét.

- Ý kiến của bị cáo Võ Văn T: Bị cáo bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ, được cơ quan

điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Ngày 01/8/2021 tại địa bàn thôn 5, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, Võ Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối giả vờ là chủ của 01 vườn cây keo lá tràm ở thôn 2, xã L và 01 vườn cây bạch đàn tái sinh nằm cách đó khoảng 02km ở thôn Đại Lộc, xã Hàm Hiệp (T không biết chủ sở hữu của 02 vườn cây trên là ai, quá trình điều tra xác định 02 vườn cây là của ông Lê Văn Sang và ông Lê H) nói 02 vườn cây trên có giấy tờ, sổ đăng hoàng và nói dối tên mình là Trần Thanh Đ, sinh năm 1984, ở thôn 3, xã Hàm Liêm, gạ và thỏa thuận bán cho ông Nguyễn Đình T ở thôn L, xã B, huyện H 02 vườn cây trên với số tiền 115.000.000đồng. Tưởng thật nên ông T đã đồng ý mua và bị T lừa đảo chiếm đoạt số tiền 115.000.000đồng.

Hành vi trên của bị cáo Võ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Là thuộc trường hợp nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm T tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về vật chất của bị hại, mà còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người trưởng thành, có trình độ nhận thức về pháp luật, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân, nhưng với bản chất lười lao động, thích hưởng lợi từ sức lao động của người khác, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý và có nhân thân xấu. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, để đấu tranh phòng ngừa tội phạm lập lại trật tự an toàn xã hội, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ thời gian để giáo dục cải tạo, rèn luyện bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 62/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2012 nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện tội phạm lần này với

lỗi cố ý, thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi do bị cáo gây ra, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định pháp luật.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Ngoài hình phạt chính, còn phải phạt bổ sung là phạt tiền sung công quỹ nhà nước để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0564009343, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T đã vứt bỏ mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc không thu giữ được nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn T khai đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 115.000.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã bồi thường và tại hồ sơ vụ án cũng không có chứng cứ nào thể hiện việc bị cáo T đã bồi thường 115.000.000đồng cho bị hại T nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai của bị cáo. Vì vậy, buộc bị cáo Võ Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 115.000.000đồng. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S, Lê H không yêu cầu nên không xem xét.

[10] *Về các vấn đề khác*: Đối với ông Lê Văn H là người giới thiệu ông Nguyễn Đình T đến mua 02 vườn cây do Võ Văn T gạ bán. Tuy nhiên ông H là người bị T sử dụng thủ đoạn gian dối để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản đầu tiên (T nói dối với ông H là tên của mình là Đ, vườn cây là của mình và có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu) nhưng do ông H không đủ tiền nên không mua vườn cây. Sau đó, T nhờ ông H giới thiệu người khác mua cây để cho tiền hoa hồng, ông H tưởng thật nên giới thiệu ông T tới mua vườn cây, ông H không biết việc T dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông T nên không đồng phạm với T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[11] *Về án phí*: Bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T (tên gọi khác: Bé) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Võ Văn T 03 năm 06 tháng (ba năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Đình T số tiền 115.000.000đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.750.000đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/02/2022). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện HTB;
- Công an huyện HTB;

- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Hàm Thuận Bắc;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kim Hoa